

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO -THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly, Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024; Quyết định hành oãn phiên tòa số 20/2024/HSST-QĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Như T, sinh ngày 28-3-1987 tại Thái B. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B; chỗ ở: Thôn HĐ, AH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Hòa Thị C và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Vũ Tuấn A, sinh ngày 23-3-1990 tại Thái B. Nơi cư trú: Tổ B, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Tiến Hạnh và bà Nguyễn Thị Đào; có vợ là Nguyễn Thị Dung và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Duy Thuận, sinh ngày 08-5-1976 tại Thái B . Nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 03-8-1977 tại Thái B . Nơi cư trú: Tổ C, khu C, phường HT, tHành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị R (đã chết) có vợ là Lê Thị Tvà 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2014/HSST ngày 29-5-2014 của Toà án nhân dân tHành phố HL, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Duy Đ 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16-6-2014, Đ đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Duy H, sinh ngày 01-01-1958 tại Thái B . Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy V (đã chết) và bà Nguyễn Thị R (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Tvà 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Vũ Quang T, sinh ngày 10-6-1981. Nơi cư trú: Tổ Đ, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Huy D (đã chết) và bà Vũ Thị K ; có vợ là Nguyễn Thị V và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Đỗ Thế H, sinh ngày 12-10-1970. Nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ là Vũ Thị H và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2013/HSST ngày 21-5-2013 của Toà án nhân dân huyện QP, tỉnh Thái B xử phạt Đỗ Thế H 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo

không giam giữ, thời gian còn phải chấp Hành hình phạt là 08 tháng 03 ngày về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Ngày 19-9-2013, H đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng tiền phạt bổ sung (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Nguyễn Văn T, sinh ngày 19-7-1982. Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 30/QĐ-XPHC ngày 28-02-2022 của Công an huyện VB xử phạt Nguyễn Văn T 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc ngày 15-01-2022 tại xã An Hoà, huyện VB, Hải Phòng. T đã nộp phạt ngày 28-02-2022 (được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính); bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Vũ Xuân D , sinh ngày 08-01-1957. Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân L (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18-6-1985. Nơi cư trú: Tổ S, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Lương Thị D và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. Hoàng Trọng B, sinh ngày 10-6-1974. Nơi cư trú: Tổ Q, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng T (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Vũ Thị T và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 27/QĐ-XPHC ngày 28-02-2022 của Công an huyện VB xử phạt Hoàng Trọng B 1.000.000 đồng về Hành vi đánh bạc ngày 15-01-2022 tại xã An Hoà, huyện VB, Hải Phòng. B đã nộp phạt ngày 28-02-2022 (được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính);

bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. Nguyễn Văn P, sinh ngày 23-5-1989. Nơi cư trú: Tổ E, thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị Đ ; có vợ là Nguyễn Thị H và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 24-01-2024 đến ngày 29-01-2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24 tháng 01 năm 2024, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đến nhà nghỉ Nguyên Vũ thuộc thôn Hạ Đồng, xã An Hoà, huyện VB, tHành phố Hải Phòng do Vũ Như T là chủ để ăn tất niên. Sau khi ăn xong, mọi người hỏi mượn phòng nghỉ của T để đánh bạc và được T đồng ý. Tuấn Anh, Thuận, Đ , H , T , H , T , D , Q , B và P cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. T lấy 01 bộ bát đĩa sứ có sẵn tại nhà nghỉ Nguyên Vũ làm dụng cụ đánh bạc, Tuấn Anh là người cắt 04 quân vị, là người xóc cái cho mọi người đánh bạc. Cả nhóm quy định số tiền đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng và đặt cược cao nhất là 200.000 đồng. Cách thức chơi như sau: Người cầm cái cho 04 quân vị hình tròn có hai mặt khác màu vào đĩa, úp bát lên rồi xóc, sau đó đặt bát, đĩa xuống để những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược theo hai cửa chẵn, lẻ. Sau khi đặt tiền xong, người cầm cái mở bát để kiểm tra xác định là lẻ hay là chẵn (trong 04 quân vị có 01 quân có màu khác những quân còn lại là lẻ; có 02 hoặc 04 quân có màu giống nhau là chẵn). Căn cứ vào kết quả xóc quân vị người cầm cái sẽ thu tiền của người chơi đặt cửa sai kết quả và trả tiền thắng cho người chơi đặt cửa đúng kết quả chẵn hoặc lẻ với tỷ lệ bằng số tiền người chơi đã đặt cửa. Cả nhóm đánh bạc đến 15 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an huyện VB bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị và số tiền 14.800.000 đồng

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo khai nhận Hành vi phạm tội của mình như sau: Vũ Như T không tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P sử dụng phòng 304 nhà nghỉ do mình quản lý để đánh bạc. Vũ Tuấn A sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thắng 3.000.000 đồng; Nguyễn Duy

Thuận sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thua 1.500.000 đồng; Nguyễn Duy Đ sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thua 1.500.000 đồng; Nguyễn Duy H sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thua 1.000.000 đồng; Vũ Quang T sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thua 500.000 đồng; Đỗ Thế H sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc không thua, không thắng; Nguyễn Văn T sử dụng 1.100.000 đồng, khi đánh bạc thắng 400.000 đồng; Vũ Xuân D sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thua 400.000 đồng; Nguyễn Văn Q sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thắng 500.000 đồng; Hoàng Trọng B sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thắng 500.000 đồng và Nguyễn Văn P sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thắng 500.000 đồng;

Với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB đã ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Như T về tội Tổ chức đánh bạc theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đều về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS ngày 13 tháng 5 năm 2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB đã truy tố Vũ Như T về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, truy tố Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đồng phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận Hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội khẳng định việc truy tố bị cáo Vũ Như T về tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, truy tố các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Căn cứ vào tính chất, hậu quả của Hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Như T. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Hoàng Trọng B, Vũ Xuân D,

Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tuấn A, Vũ Xuân D, Vũ Quang T, Nguyễn Văn Q; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P. Tuyên bố bị cáo Vũ Như T phạm tội Tổ chức đánh bạc, tuyên bố các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đồng phạm tội Đánh bạc, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng; Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B mỗi bị cáo từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ; Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P 05 ngày bị tạm giữ bằng 15 ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P trong thời gian cải tạo không giam giữ. Các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Đỗ Thế H, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Vũ Như T từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; phạt các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 14.800.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; 04 quân vị (Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB và Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB.

Về án phí: Các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VB, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực H đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực H đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu được và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Vào 15 giờ 15 phút ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại phòng 304 nhà nghỉ Nguyên Vũ, địa chỉ Thôn Hạ Đồng, xã An Hoà, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Vũ Như T có Hành vi sử dụng địa điểm do mình quản lý cho Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 14.800.000 đồng. Như vậy, Hành vi của bị cáo Vũ Như T phạm tội Tổ chức đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đồng phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Vũ Như T sử dụng địa điểm của mình để cho Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D , Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 14.800.000 đồng, do đó Hành vi của bị cáo T bị xét xử theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Các

bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 14.800.000 đồng, do đó Hành các bị cáo bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự trị an, xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Đối với tội Tổ chức đánh bạc, bị cáo Vũ Như T sử dụng địa điểm nhà mình để cho các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P đánh bạc nên giữ vai trò chính trong vụ án này. Đối với tội Đánh bạc: Giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng cần xem xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với mỗi bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Tuấn A là người cầm cái, Nguyễn Duy Thuận là người dùng số tiền lớn để đánh bạc, tiếp đến Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Nguyễn Văn T, Hoàng Trọng B, sau cùng là Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P. Do vậy bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Duy Đ và Đỗ Thế H đều có tiền án đó là: Tại Bản án số 144/2014/HSST ngày 29-5-2014 Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh xử phạt Nguyễn Duy Đ 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16-6-2014, Đ đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tại Bản án số 35/2013/HS-ST ngày 21-5-2013 Tòa án nhân dân huyện QP, tỉnh Thái B xử phạt Đỗ Thế H 09 tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 08 tháng 03 ngày về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000 đồng tiền phạt bổ sung. Ngày 19-9-2013 H đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung. Tiền án này đến nay đối với Nguyễn Duy Đ và Đỗ Thế H đã được xóa án tích. Nguyễn Văn T và Hoàng Trọng B đều có 01 tiền sự đó là: Tại Quyết định xử phạt vi phạm Hành chính số 30/QĐ-XPHC ngày 28-02-2022; Quyết định xử phạt

vi phạm Hành chính số 27/QĐ-XPHC ngày 28-02-2022 Công an huyện VB, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Văn T và Hoàng Trọng B mỗi người 1.000.000 đồng về Hành vi đánh bạc xảy ra vào ngày 15-01-2022 tại xã An Hoà, huyện VB, Hải Phòng. T và B đã thi Hành quyết định xử phạt vi phạm Hành chính này vào ngày 28-02-2022, tính đến thời điểm phạm tội tiền sự này được coi là chưa bị xử phạt vi phạm Hành chính. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo T, Tuấn Anh, Thuận, Đ, H, T, H, T, D, Q, B, P được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Tuấn Anh, Thuận, H, T, D, Q, P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Tuấn A có bố để được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, bị cáo Vũ Quang T là người đang thờ cúng cậu ruột là liệt sỹ, bị cáo Nguyễn Văn Q có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo Vũ Xuân D là người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bị cáo Vũ Như T có bố để là người có công với cách mạng nên các bị cáo Tuấn Anh, D, T, T, Q được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trên cơ sở đánh giá tính chất, hậu quả của Hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, để đảm bảo mục đích của hình phạt là răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời tạo điều kiện để giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận; áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P, cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, đồng thời phát huy được tính giáo dục và phòng ngừa chung như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 322, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo Vũ T Vũ 20.000.000 đồng (Hai mươi T đồng) nộp ngân sách nhà nước; phạt các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười T đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về việc khấu trừ thu nhập: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P có thể

bị khấu trừ thu nhập. Tuy nhiên, các bị cáo đều có thu nhập thấp và không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo này trong thời gian cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên các bị cáo Đ, H, T, H, T, D, Q, B, P phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ

[9] Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị và số tiền 14.800.000 đồng. Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 14.800.000 đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 28-5-2024 tại Kho bạc Nhà nước VB, giữa Công an huyện VB và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện VB là do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Như T phạm tội Tổ chức đánh bạc;

Tuyên bố các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P đồng phạm tội Đánh bạc;

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Như T, xử phạt:

Vũ Như T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự, phạt Vũ Như T 20.000.000 đồng (Hai mươi T đồng) nộp ngân sách nhà nước

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Tuấn A, xử phạt:

Vũ Tuấn A 21 (Hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 42 (Bốn mươi hai) tháng, Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Nguyễn Duy Thuận 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Thời hạn thử thách án treo tính từ ngày tuyên án.

Giao Vũ Như T cho Ủy ban nhân dân xã AH , huyện VB, tHành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận cho Ủy ban nhân dân thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Vũ Duy Thuận có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực H theo Điều 92 Luật thi Hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 điều này, phải thực H khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú; lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực H theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp Hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu đang trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi Hành hình sự từ 02 lần trở lên.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P; áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn P; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Vũ Quang T, xử phạt:

Nguyễn Duy Đ 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Đ 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Đ còn phải chấp Hành 29 (Hai mươi chín) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Đỗ Thế H 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho H 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. H còn phải chấp Hành 29 (Hai mươi chín) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Nguyễn Duy H 27 (Hai mươi bảy) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho H 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. H còn phải chấp Hành 26 (Hai mươi sáu) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Vũ Quang T 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho T 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. T còn phải chấp Hành 23 (Hai mươi ba) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Nguyễn Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho T 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. T còn phải chấp Hành 23 (Hai mươi ba) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Hoàng Trọng B 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho B 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. B

còn phải chấp Hành 23 (Hai mươi ba) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Vũ Xuân D 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho D 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. D còn phải chấp Hành 20 (Hai mươi) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Nguyễn Văn Q 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho Q 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. Q còn phải chấp Hành 17 (Mười bảy) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Nguyễn Văn P 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho P 05 (Năm) ngày bị tạm giữ bằng 15 (Mười lăm) ngày cải tạo không giam giữ. P còn phải chấp Hành 17 (Mười bảy) tháng 15 (Mười năm) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi Hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi Hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P phải thực H một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (Bốn) giờ trong một ngày và không quá 05 (Năm) ngày trong một tuần.

Giao Nguyễn Duy Đ cho Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ

Giao Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân thị trấn AB, huyện QP, tỉnh Thái B giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì được thực H theo Điều 100 Luật Thi Hành án hình sự như sau:

Người chấp Hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực H khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp Hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục, trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu lý do. Người chấp Hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú, hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp Hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thực H theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp Hành án phạt cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp Hành án.

Căn cứ Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B và Nguyễn Văn P.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P mỗi người 10.000.000 đồng (Mười T đồng) nộp ngân sách nhà nước.

5. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù, 01 bát sù; 04 quân vị; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 14.800.000 đồng (Mười bốn T tám trăm nghìn đồng), theo Ủy nhiệm chi lập ngày 28-5-2024 tại Kho bạc Nhà nước VB, giữa Công an huyện VB và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện VB (Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VB và Chi cục Thi Hành án dân sự huyện VB ngày 14-5-2024)

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Vũ Như T, Vũ Tuấn A, Nguyễn Duy Thuận, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Duy H, Vũ Quang T, Đỗ Thế H, Nguyễn Văn T, Vũ Xuân D, Nguyễn Văn Q, Hoàng Trọng B, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự, người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND tHành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện VB
- TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp tHành phố Hải Phòng;
- Công an tHành phố Hải Phòng (PV06, PC10);
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện VB;
- Cơ quan Thi Hành án hình sự huyện VB;
- Chi Cục THADS huyện VB;
- UBND xã AH, huyện VB
- UBND phường HT, tHành phố HL, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND thị trấn An Bài, huyện QP, tỉnh Thái B
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền